

THPT Chuyên Hạ Long
ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề có 40 câu trắc
nghiệm)

**KHẢO SÁT LẦN 1 THI THPT QUỐC GIA
NĂM HỌC 2016-2017**

Môn: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Mã đề 101

Họ, tên thí sinh:.....Số báo danh:

Câu 1: Vùng nước tiếp giáp với đất liền, ở phía trong đường cơ sở là
A. lãnh hải. B. tiếp giáp lãnh hải. C. nội thủy. D. thềm lục địa.

Câu 2: Đặc điểm nào sau đây **không đúng** với đặc điểm chung của địa hình Việt Nam?

- A. Đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là đồi núi cao.
B. Hướng nghiêng tây bắc - đông nam.
C. Cấu trúc địa hình khá đa dạng.
D. Địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.

Câu 3: Vùng đất Việt Nam bao gồm

- A. toàn bộ phần đồi núi và đất liền. B. toàn bộ phần đồi núi và đồng bằng.
C. toàn bộ phần đất liền và các hải đảo. D. toàn bộ phần đồng bằng và các hải đảo.

Câu 4: Ở nước ta, dải đồi trung du rộng nhất nằm ở

- A. rìa phía bắc và phía đông bắc của đồng bằng sông Hồng.
B. rìa phía bắc và phía tây của đồng bằng sông Hồng.
C. rìa phía bắc và phía tây bắc của đồng bằng sông Hồng.
D. rìa phía bắc và phía đông của đồng bằng sông Hồng.

Câu 5: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, vùng có số lượng tỉnh có GDP bình quân đầu người trên 18 triệu đồng lớn nhất cả nước là

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ. B. Đông Nam Bộ.
C. Trung du miền núi Bắc Bộ. D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 6: Để hạn chế xói mòn trên đất dốc tại vùng đồi núi nước ta, cần thực hiện biện pháp nào sau đây?

- A. Chống bạc màu, nhiễm mặn. B. Thâm canh, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.
C. Làm ruộng bậc thang, trồng cây theo băng. D. Bón phân, cải tạo đất nông nghiệp.

Câu 7: Thế mạnh nông nghiệp ở trung du và miền núi là

- A. các cây hàng năm và nuôi trồng thủy sản. B. các cây hàng năm và chăn nuôi gia cầm.
C. các cây lâu năm và nuôi trồng thủy sản. D. các cây lâu năm và chăn nuôi gia súc lớn.

Câu 8: Sản phẩm chuyên môn hóa nông nghiệp của vùng Tây Nguyên **không phải** là

- A. cà phê, cao su, chè. B. dâu tằm, hồ tiêu.
C. cây công nghiệp dài ngày. D. đậu tương, mía, thuốc lá.

Câu 9: Sự khác nhau rõ nét giữa vùng núi Trường Sơn Bắc so với Trường Sơn Nam là

- A. bất đối xứng hai sườn. B. gồm các khối núi và cao nguyên.
C. hướng núi vòng cung. D. thấp và hẹp ngang.

Câu 10: Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ NƯỚC TA PHÂN THEO THÀNH THỊ, NÔNG THÔN

(Đơn vị: triệu người)

Năm	2000	2005	2009	2014
Tổng số	77,6	82,4	86,0	90,7

Thành thị	18,7	22,3	25,6	30,0
Nông thôn	58,9	60,1	60,4	60,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, Nhà xuất bản Thống kê, 2016)

Để thể hiện dân số nước ta phân theo thành thị, nông thôn giai đoạn 2000 – 2014, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Biểu đồ cột. B. Biểu đồ miền. C. Biểu đồ đường. D. Biểu đồ kết hợp.

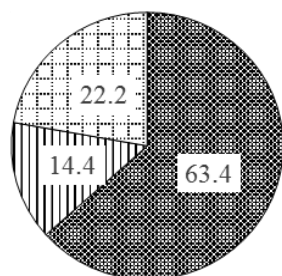
Câu 11: Đồng bằng sông Hồng bị ngập lụt nghiêm trọng nhất nước ta là do?

- A. Mưa bão, nước biển dâng và lũ nguồn.
B. Mặt đất thấp và ảnh hưởng bởi triều cường.
C. Mưa bão, địa hình thấp trũng, ba mặt giáp biển.
D. Mưa lớn, mặt đất thấp và xung quanh có đê bao bọc.

Câu 12: Đặc điểm nào sau đây **không đúng** với nguồn lao động nước ta hiện nay?

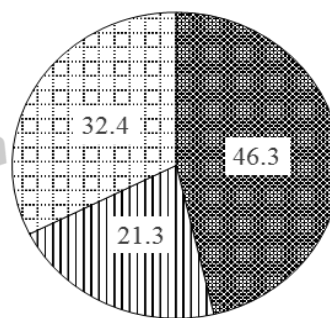
- A. Nguồn lao động nước ta dồi dào.
B. Lao động có nhiều kinh nghiệm sản xuất trong nông nghiệp.
C. Chất lượng lao động ngày càng được nâng cao.
D. Cơ cấu lao động có sự chuyển biến mạnh mẽ.

Câu 13: Cho biểu đồ:



Năm 2000

- Nông, lâm và thủy sản
▨ Công nghiệp - xây dựng
▤ Dịch vụ



Năm 2014

QUY MÔ VÀ CƠ CẤU LAO ĐỘNG PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ CỦA NƯỚC TA (%)

Căn cứ vào biểu đồ, hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng về cơ cấu lao động theo khu vực kinh tế ở nước ta trong giai đoạn 2000 – 2014.

- A. tăng tỉ trọng lao động khu vực nông, lâm, thủy sản.
B. tỉ trọng lao động khu vực công nghiệp – xây dựng tăng nhanh nhất.
C. tỉ trọng lao động khu vực dịch vụ tăng nhanh nhất.
D. tỉ trọng lao động khu vực dịch vụ lớn nhất.

Câu 14: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA CỦA CẢ NƯỚC, ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Vùng	Diện tích (nghìn ha)		Sản lượng (nghìn tấn)	
	2000	2014	2000	2014
Đồng bằng sông Hồng	1212,6	1079,6	6586,6	6548,5
Đồng bằng sông Cửu Long	3945,8	4249,5	16702,7	25245,6
Cả nước	7666,3	7816,2	32529,5	44974,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, Nhà xuất bản Thống kê, 2016)

Theo bảng số liệu trên, năng suất lúa của cả nước năm 2014 là

- A. 57,5 tạ/ha. B. 5,94 tạ/ha. C. 60,7 tạ/ha. D. 59,4 tạ/ha.

Câu 15: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết đô thị nào sau đây có quy mô dân số lớn nhất vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Hội An. B. Đà Nẵng. C. Nha Trang. D. Quy Nhơn.

Câu 16: Nguyên nhân gây mưa lớn cho Móng Cái (tỉnh Quảng Ninh) là do

- A. nằm ở sườn đón gió mùa Tây Bắc của cánh cung Đông Triều.
B. nằm ở sườn đón gió mùa Đông Nam của cánh cung Đông Triều.
C. nằm ở sườn đón gió mùa Tây Nam của cánh cung Đông Triều.
D. nằm ở khu vực có độ cao trên 2000m.

Câu 17: Biểu hiện ở sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của nước ta là

- A. khu vực kinh tế Nhà nước có tỉ trọng cao nhất.
B. giảm tỉ trọng khu vực I, tăng tỉ trọng khu vực II, III.
C. hình thành 3 vùng kinh tế trọng điểm.
D. giảm tỉ trọng khu vực kinh tế Nhà nước.

Câu 18: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, tỉnh có đường biên giới quốc gia trên đất liền với Trung Quốc và Lào của nước ta là

- A. Điện Biên. B. Kon Tum. C. Quảng Ninh. D. Lai Châu.

Câu 19: Hai bể dầu lớn nhất nước ta hiện nay đang được khai thác là

- A. Cửu Long và Sông Hồng. B. Sông Hồng và Trung Bộ.
C. Nam Côn Sơn và Cửu Long. D. Nam Côn Sơn và Thổ Chu – Mã Lai.

Câu 20: Đặc điểm nào sau đây **đúng** với vấn đề việc làm của nước ta hiện nay?

- A. Nền kinh tế nước ta mỗi năm tạo thêm được khoảng hai triệu việc làm.
B. Tỉ lệ lao động thất nghiệp ở khu vực nông thôn cao hơn thành thị.
C. Tỉ lệ lao động thất nghiệp ở thành thị luôn cao hơn ở nông thôn.
D. Tỉ lệ lao động thiếu việc làm ở thành thị luôn cao hơn ở nông thôn.

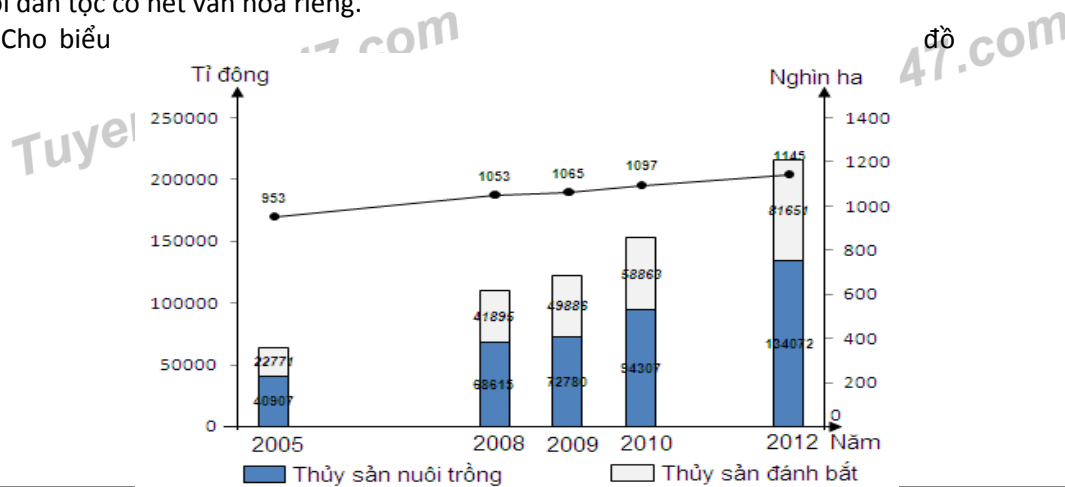
Câu 21: Nguyên nhân nào **không đúng** dẫn đến trình độ đô thị hóa nước ta còn thấp?

- A. Điều kiện sống ở nông thôn khá cao. B. Trình độ phát triển kinh tế chưa cao.
C. Các đô thị cũ từ trước khó cải tạo, nâng cấp. D. Quá trình công nghiệp hóa diễn ra chậm.

Câu 22: Vấn đề mà Đảng và Nhà nước ta đang đặc biệt quan tâm đến đồng bào các dân tộc là

- A. phân bố dân tộc đã có nhiều thay đổi.
B. sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế - xã hội.
C. các dân tộc ít người sống tập trung ở miền núi.
D. mỗi dân tộc có nét văn hóa riêng.

Câu 23: Cho biểu đồ



Quan sát biểu đồ trên, hãy cho biết biểu đồ đã thể hiện rõ nhất nội dung nào sau đây?

- A. Sản lượng của ngành thủy sản nước ta qua các năm.
- B. Giá trị sản xuất thủy sản phân theo ngành và diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản qua các năm.
- C. Sản lượng và diện tích nuôi trồng thủy sản của nước ta qua các năm.
- D. Giá trị sản xuất của ngành thủy sản qua các năm.

Câu 24: Đây là khó khăn lớn nhất trong phát triển cây công nghiệp nước ta ?

- A. Thiếu nước tưới.
- B. Thiếu cơ sở chế biến.
- C. Thị trường thế giới nhiều biến động.
- D. Thiếu lao động trình độ cao.

Câu 25: Vùng nào sau đây có diện tích lúa cao nhất nước ta ?

- A. Bắc Trung Bộ.
- B. Đồng bằng sông Hồng.
- C. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 26: Đặc điểm nào sau đây **không đúng** với nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa?

- A. Năng suất lao động cao.
- B. Mỗi địa phương đều sản xuất nhiều loại sản phẩm.
- C. Sản xuất theo hướng chuyên môn hóa.
- D. Sản xuất quy mô lớn, sử dụng nhiều máy móc.

Câu 27: Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ **không có** đặc điểm tự nhiên nào sau đây?

- A. Địa hình chủ yếu là đồng bằng.
- B. Địa hình cao nhất nước ta.
- C. Mùa mưa lùi dần từ Bắc vào Nam.
- D. Khí hậu có sự phân hóa theo độ cao.

Câu 28: Nước ta có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển ngành khai thác hải sản là

- A. tàu thuyền, ngư cụ được trang bị tốt hơn.
- B. biển có nguồn hải sản phong phú.
- C. công nghiệp chế biến thủy sản được mở rộng.
- D. có nhiều sông suối, ao hồ, kênh rạch.

Câu 29: Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được quy định bởi

- A. vị trí nằm trong vùng nội chí tuyến.
- B. vị trí gần ba mặt giáp biển.
- C. hoạt động của gió phơn Tây Nam.
- D. lãnh thổ kéo dài, hẹp ngang.

Câu 30: Biểu hiện **không phải** của địa hình xâm thực mạnh là

- A. hiện tượng đất trượt, đá lở.
- B. hình thành hang động cacxtơ ở vùng núi đá vôi.
- C. bề mặt địa hình bị cắt xẻ, đất bị xói mòn.
- D. sự bồi tụ các đồng bằng ở hạ lưu sông.

Câu 31: Nơi thuận lợi để nuôi trồng thủy sản nước lợ ở nước ta là

- A. ao hồ.
- B. kênh rạch.
- C. đầm phá.
- D. sông suối.

Câu 32: Đại cận nhiệt đới gió mùa trên núi **không có** đặc điểm nào sau đây?

- A. Bắt đầu quá trình hình thành đất mùn.
- B. Quá trình feralit yếu dần.
- C. Xuất hiện các loài thực vật cận nhiệt và ôn đới.
- D. Nhiệt độ và lượng mưa giảm dần theo độ cao.

Câu 33: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết miền khí hậu phía Bắc bao gồm mấy vùng khí hậu?

- A. 4 vùng.
- B. 3 vùng.
- C. 5 vùng.
- D. 2 vùng.

Câu 34: Vùng nào sau đây ở nước ta chịu ảnh hưởng nhiều nhất của bão?

- A. Duyên hải miền Trung.
- B. Đồng bằng sông Hồng.

C. Đồng bằng sông Cửu Long.

D. Trung du miền núi Bắc Bộ.

Câu 35: Vùng có số lượng đô thị lớn nhất nước ta năm 2006 là

A. Đồng bằng sông Cửu Long.

B. Đồng bằng sông Hồng.

C. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 36: Đồng bằng sông Hồng **không có** điều kiện sinh thái nông nghiệp nào sau đây?

A. Đất phù sa sông Hồng và sông Thái Bình.

B. Đồng bằng hẹp, khá màu mỡ.

C. Đồng bằng châu thổ có nhiều ô trũng.

D. Mùa đông lạnh.

Câu 37: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ ngành nông nghiệp theo nghĩa hẹp ở nước ta là

A. tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến, giảm tỉ trọng công nghiệp khai thác.

B. nhiều loại hình dịch vụ mới ra đời.

C. giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi.

D. giảm tỉ trọng ngành nông nghiệp, tăng tỉ trọng ngành thủy sản.

Câu 38: Giai đoạn nào sau đây, dân số nước ta có tốc độ gia tăng cao nhất?

A. 1931 - 1960.

B. 1979 - 1989.

C. 1999 - 2009.

D. 1965 - 1975.

Câu 39: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, hãy cho biết đất phù sa ngọt phân bố nhiều nhất ở đâu?

A. Đồng bằng sông Cửu Long.

B. Đồng bằng duyên hải Bắc Trung Bộ.

C. Đồng bằng duyên hải Nam Trung Bộ

D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 40: Cho bảng số liệu:

GDP CỦA NƯỚC TA PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ

(Đơn vị: tỉ đồng)

Năm	Tổng số	Nông – lâm – thủy sản	Công nghiệp – xây dựng	Dịch vụ
2000	441646	108356	162220	171070
2010	1887082	396576	693351	797155
2014	3541828	696696	1307935	1537197

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, Nhà xuất bản Thống kê, 2016)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây **không đúng** về sự thay đổi GDP của nước ta phân theo khu vực kinh tế giai đoạn 2000 – 2014?

A. Khu vực nông – lâm – thủy sản tăng chậm nhất.

B. Khu vực nông – lâm – thủy sản luôn thấp nhất.

C. Khu vực dịch vụ tăng nhanh nhất.

D. Khu vực công nghiệp - xây dựng tăng nhanh nhất.

----- HẾT -----

Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.